TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-PT
Ngày: 24-02-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, kiện đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 390/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2024; Thông báo hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số 565/TB-TA ngày 23 tháng 10 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 722/TB-TA ngày 20 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 07/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 27/TB-TA ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị V, sinh năm: 1945; cư trú tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Trương Thị N, sinh năm: 1965; cư trú tại số E, đường N, tổ I, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021).

+ Bà Hồ Thị P, sinh năm: 1975; cư trú tại lô 55, dãy CH B, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2024).

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1989; cư trú tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Thanh X, sinh năm: 1967; cư trú tại số A, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm: 1969; cư trú tại số A, đường P, tổ A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Ông Lê Thanh N1 (chết ngày 14/9/2023)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N1:

+ Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm: 1975;

+ Anh Lê Thanh T1, sinh năm: 2000;

+ Cháu Lê Thanh Đ, sinh năm: 2011

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đ là bà Trần Thị Thanh L.

Cùng cư trú tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

+ Chị Lê Thị Thanh H1, sinh năm: 1996; cư trú tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm: 1973; cư trú tại thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Bà Lê Thị Hoa N2, sinh năm: 1976; cư trú tại số A, thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

6/ Ông Lê Thanh H3, sinh năm: 1980; cư trú tại số A, đường số D, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Lê Thanh H4, sinh năm: 1982; cư trú tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

8/ Bà Lê Thị Mỹ P1, sinh năm: 1985; cư trú tại tổ A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

9/ Văn phòng C; địa chỉ: số A, đường T, tổ I, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thọ Q – Chức vụ: Trưởng Văn phòng.

Người kháng cáo: Bà Dương Thị V – Nguyên đơn; Ông Lê Thanh T – Bị đơn.

(Bà P1 có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án; ông T, bà H, ông X, bà H2, ông H3, bà N2 có mặt tại phiên tòa; bà L, anh T1, bà H1, ông H4, bà Mỹ P1 có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/01/2022 và các lời khai nguyên đơn bà Dương Thị V trình bày: Bà Dương Thị V và ông Lê N3 là vợ chồng. Vợ chồng bà V có các con chung gồm ông Lê Thanh N1, bà Lê Thanh X, ông Lê Thanh H4, ông Lê Thanh H3, bà Lê Thị Ánh H, bà Lê Thị Mỹ P1, bà Lê Thị Thanh H2, bà Lê Thị Hoa N2 và ông Lê Thanh T. Bà V có mối quan hệ là mẹ ruột của ông Lê Thanh T.

Về nguồn gốc thửa đất số 83, tờ bản đồ 14, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là do vợ chồng bà V khai phá, theo giấy tờ kê khai thời gian khai phá từ năm 1975. Đến ngày 22/5/1996 vợ chồng được cấp sổ đỏ đứng tên ông Lê Nguyền . Đến năm 2013 ông N3 đăng ký kê khai lại và được cấp sổ đỏ ngày 07/10/2013 đứng tên ông Lê N3 và bà Dương Thị V, thửa đất mới là 74, tờ bản đồ 119, thôn A, xã L, huyện B. Khi khai phá thì ông bà trồng cà phê, đến năm 2011 trồng mới lại toàn bộ cây cà phê theo giống mới, canh tác, sử dụng ổn định. Đồng thời năm 2014 thì ông X có về đầu tư xây dựng nhà ở và công trình phụ trên đất. Tuy nhiên toàn bộ diện tích đất trên là tài sản duy nhất của ông N3, bà V, tự canh tác, thu hái, có thu nhập để nuôi sống bản thân, không còn tài sản nào khác, không có nguồn thu nhập nào khác.

Trước thời điểm 2016 ông T có học đại học, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về nhà. Năm 2016 khi đó ông N3 bị bệnh nằm một chỗ, ông T về nói với bà V cho mượn sổ đỏ vay ngân hàng để đầu tư mua đất tại B nhưng còn thiếu tiền. Bà V đồng ý cho T mượn sổ đỏ, sau này trả xong nợ thì sang lại tên trả lại cho vợ chồng bà.

Ngày 13/9/2016 vợ chồng bà có lăn tay vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa 74, tờ bản đồ 119, xã L như trên để sang tên cho T. Thực tế nhà, đất thì vợ chồng bà V vẫn quản lý, canh tác, thu hái, vẫn ở và không có tranh chấp gì. Năm 2017 ông N3 chết và an táng tại đất này của vợ chồng, bà V vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên. Sau đó bà V nhiều lần yêu cầu T làm thủ tục sang lại tên tài sản cho mình nhưng T không thực hiện.

Hiện nay giấy chứng nhận QSD đất bản chính bà V đang giữ và không đưa cho T. Do mẹ con mâu thuẫn, T có đánh đập bà V nên cuối năm 2020, đầu năm 2021 bà V về ở với bà Lê Thị Ánh H là con gái ruột tại tổ A, thị trấn L cho đến nay. Ông T chiếm toàn bộ tài sản trên của bà và tự canh tác, thu hái đến nay.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã lập giữa bà Dương Thị V, ông Lê N3 với ông Lê Thanh T, người làm chứng bà Lê Thị Thanh H2, được Văn phòng C công chứng ngày 13/9/2016 đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 74, tờ bản đồ 119 tại thôn A, xã L, huyện B và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Lý do yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa hai bên là giả tạo, bà V, ông N3 không tặng cho trên thực tế mà chỉ làm thủ tục sang tên là mục đích cho ông T mượn tài sản để thế chấp vay tiền ngân hàng. Ngoài ra tài sản này là tài sản duy nhất của ông N3, bà V để có thu nhập nuôi sống bản thân, có nhà cửa trên đất để ở, không còn tài sản nào khác, không còn nguồn thu nhập nào khác, hiện nay ông N3 chồng của bà V cũng an táng tại đất tranh chấp này. Buộc ông T trả lại toàn bộ tài sản trên cho bà V.

Về khởi kiện phản tố của bị đơn ông T được Tòa án thụ lý phản tố ngày 27/4/2022 thì bà V không đồng ý. Lý do bà V vẫn đang canh tác, quản lý, chăm sóc vườn cà phê, ở tại nhà trên đất đang tranh chấp nên không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn. Đồng thời thời điểm này T bị tạm giam và xử được hưởng án treo nên T về thu hái 1/2, bà V chỉ thu hái 1/2.

Về khởi kiện yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh X: Toàn công trình xây dựng trên đất bà V thừa nhận toàn bộ tiền là do ông X bỏ ra xây dựng là đúng. Mục đích xây dựng là để bố mẹ ở, làm từ đường (nơi thờ tự). Do bà V chỉ sang tên tài sản cho T để T mượn vay tiền, không tặng cho trên thực tế, nhà thì ông N3, bà V vẫn ở nên khi làm thủ tục hợp đồng tặng cho không báo cho ông X. Còn về công sức đóng góp khai hoang thì năm 1985 vợ chồng khai hoang thửa đất đang tranh chấp bây giờ, ông X có đóng góp công sức trước khi lập gia đình, chuyển khẩu (1986). Vì vậy bà V yêu cầu giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông X trên cơ sở pháp luật. Về chi phí tố tụng, án phí bà V yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại đơn phản tố ngày 10/3/2022 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Lê Thanh T trình bày: Ông T thừa nhận có mối quan hệ là con ruột của bà Dương Thị V và ông Lê N3, là em ruột của ông X, bà H, ông N1, bà N2, bà H2, ông H4, ông H3, bà P1. Các anh, chị ông T đều đã lập gia đình và ra ở riêng, cắt khẩu, chỉ còn ông T còn hộ khẩu với bố mẹ. Ông T học đại học từ năm 2008 - 2012, sau đó làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2017 thì chuyển về sinh sống với

bố mẹ trên đất và nhà tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Khi ông T về sinh sống cùng với bố mẹ thì ông N3, bà V đã già, không làm vườn được, bà V chỉ nội trợ, toàn bộ vườn tược là do ông T làm, đầu tư, chăm sóc, thu hái. Nhà ở như hiện nay là do bố mẹ làm trước khi ông T về, tuy nhiên ông T có gửi tiền về phụ cho bố mẹ làm nhà. Khi anh chị lập gia đình đều được bố mẹ cho tài sản xong. Khi ông T về sinh sống thì bố mẹ chỉ còn duy nhất tài sản là nhà, đất này. Năm 2016 ông T đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bố mẹ có bàn bạc, cho rằng anh em trong gia đình đã lập gia đình, không ai muốn làm vườn, chăm sóc, quan tâm, phụ giúp bố mẹ chăm vườn nên gọi ông T về để làm thủ tục sang tên toàn bộ diện tích đất tại thửa 74, tờ bản đồ 119 tại xã L và tài sản trên đất vì ông T là con út và sinh sống với bố mẹ. Bố mẹ là ông N3, bà V tự nguyện làm thủ tục tặng cho toàn bộ tài sản trên cho ông T. Khi làm thủ tục tặng cho có bà Lê Thị Thanh H2 (con ruột ông N3, bà V, chị ruột của ông T) ký làm chứng. Bà H2, bà V trực tiếp làm thủ tục tặng cho tại Văn phòng C, ông T trực tiếp ký tên, còn ông N3 do công chứng viên lăn tay tại nhà ông N3, bà V thôn A, xã L. Sau khi sang tên xong thì bà V vẫn giữ sổ đỏ. Khi tặng cho tài sản bố mẹ không yêu cầu điều kiện gì với ông T. Vì ông T cho rằng sau này sẽ ở với bố mẹ, mặc dù bố mẹ không có lương hưu, không có thu nhập nào, ông T xác định sẽ phải chăm lo cho cuộc sống của bố mẹ sau này. Năm 2017 ông N3 chết thì bà V và ông T vẫn sinh sống cùng nhau tại tài sản trên và không có tranh chấp.

Đến năm 2021 bà V tranh chấp tài sản trên với ông T vì cho rằng việc tặng cho tài sản là giả tạo mục đích là để ông T mượn tài sản thế chấp vay tiền ngân hàng và yêu cầu ông T trả toàn bộ tài sản trên cho bà V thì ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà V, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V. Hiện nay toàn bộ tài sản trên ông T trực tiếp quản lý, canh tác, sở hữu và thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông T.

Ông T khởi kiện phản tố đối với bà V: Yêu cầu bà V trả lại giá trị sản lượng cà phê thu hoạch mùa vụ 2021 do ông T đầu tư nhưng bà V tự ý thu hái là 110.000 kg quả cà phê Robusta tươi x 7.500 đồng/kg = 75.000.000 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh X, ông T yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án ông T không có ý kiến gì. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Ông Lê Thanh X trình bày: Về mối quan hệ vợ chồng, con cái ông X thừa nhận như bà V trình bày là đúng. Ông là con ruột của bà V, là anh ruột của ông

T. Năm 1975 thì ông X ở cùng bố mẹ, cùng khai hoang, trồng cà phê. Đến năm 1986 ông mới ra tự lập. Vì vậy ông có công sức đóng góp với bố mẹ trong việc canh tác, trồng cây, thu hái, gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị của đất và cây trồng đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ 119 (cũ là thửa 83 tờ bản đồ 14), thôn A, xã L, huyện B từ năm 1984 đến khi đi học đại học năm 1986. Sau đó bố mẹ đăng ký, kê khai và được cấp sổ đỏ, diện tích đất canh tác giống như hiện tại. Toàn bộ đất do bố mẹ canh tác, quản lý, sử dụng để có thu nhập trang trải cuộc sống vì không còn tài sản nào khác. Các anh, chị em lập gia đình ra ở riêng thì cũng chưa có ai được hưởng gì, bố mẹ chưa cho gì vì chỉ có tài sản này duy nhất để bố mẹ sinh sống, hưởng già. Ông T là con út trong gia đình, sinh ra và lớn lên tại thôn A, xã L, bố mẹ nuôi ăn học, tiếp tục nuôi học đại học. Đất đai bố mẹ đã tạo lập trước khi sinh ra T, tự canh tác, quản lý, thu hái. T không có đóng góp gì đối với tài sản này. Khoảng năm 2014 - 2015 ông X bỏ tiền ra xây toàn bộ nhà, làm nhà gỗ và công trình phụ như hiện nay, T không có đóng góp gì. Mục đích ông xây dựng là để ông N3, bà V ở, làm nơi thờ tự. Năm 2016 việc bà V, ông N3 làm thủ tục tặng cho T mục đích là T mượn sổ đỏ vay tiền ngân hàng là có thật. Thời điểm đó ông N3 đã bị liệt nằm 01 chỗ, không còn nhận thức được hành vi của mình, thủ tục tặng cho là lăn tay chứ không phải ký, ghi họ tên. Việc tặng cho trên anh em trong gia đình không ai biết. Sự việc chỉ có mẹ ông và H2 là em gái biết, tuy nhiên có nói lại là T nhờ sang tên để mượn sổ đỏ thế chấp vay tiền ngân hàng lấy tiền mua đất. Do tin tưởng con cái trong nhà nên bà V sang tên, H2 ký làm chứng. Sau khi bố mất năm 2017 thì nhiều lần bà V có yêu cầu T sang lại tên nhưng T không thực hiện. Năm 2020 mẹ con mâu thuẫn nên bà V không ở tại nhà mình nữa mà về ở với con ruột là bà H tại tổ A, thị trấn L, huyện B. Vì vậy việc bà V khởi kiện ông T là hoàn toàn đúng sự thật, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với công sức đóng góp của ông đối với thửa đất 74, tờ bản đồ 119, xã L, ông yêu cầu giải quyết buộc bà V, ông T có trách nhiệm thanh toán công sức đóng góp cho ông đối với tài sản đang tranh chấp mà họ được hưởng với số tiền 750.000.000 đồng.

Về tài sản là công trình xây dựng trên đất: Toàn bộ là do ông bỏ tiền ra xây dựng khoảng năm 2014. Nay theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần T4 cung cấp cho Tòa án thì toàn bộ công trình xây dựng có giá trị thành tiền là 1.069.217.065 đồng. Nay do tài sản là quyền sử dụng đất đang tranh chấp giữa bà V và ông T nên ông yêu cầu giải quyết nếu ai được nhận QSD đất thì yêu cầu trả tiền công trình xây dựng cho ông như trên. Về chi phí tố tụng, án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Q trình bày: Ngày 13/9/2016 Văn phòng C thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Lê N3, bà Dương Thị V với ông Lê Thanh T, người làm chứng bà Lê Thị Thanh H2 đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ 119, thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất là nhà và vườn cây lâu năm. Về hình thức, nội dung, quy trình thực hiện của Văn phòng C đối với hồ sơ, văn bản công chứng số 5563, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2016 của Công chứng viên Nguyễn Thọ Q là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình và luật công chứng năm 2014. Vì vậy Văn phòng C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho như trên, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng yêu cầu được vắng mặt trong các phiên họp, giải quyết, xét xử của Tòa án.

+ Bà Lê Thị Hoa N2 có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Bà Lê Thị Thanh H2 trình bày: Bà H2 là con ruột của bà V, ông N3, là chị ruột của Lê Thanh T. Về việc mẹ bà khởi kiện ông T là đúng sự thật. Sự việc làm hợp đồng tặng cho thì bà H2 có biết, ký người làm chứng. Vì lý do T cần tiền để mua đất muốn mượn giấy chứng nhận QSD đất của bố mẹ để thế chấp vay tiền ngân hàng. Tuy nhiên do bố mẹ quá tuổi lao động nên không thể vay ngân hàng. T nhờ sang tên cho T để T đứng ra vay ngân hàng, sau này mua bán đất xong có tiền trả ngân hàng thì T sang tên sổ đỏ trả lại cho bố mẹ. Việc thỏa thuận này chỉ bằng miệng do bố mẹ tin tưởng con cái, đồng thời ông bà có hỏi bà H2 và bà H2 cũng tin tưởng ông T nên đã ký làm chứng. Sự việc làm thủ tục tặng cho tài sản là để T vay tiền ngân hàng, thực tế thời điểm đó tài sản thì bố bố mẹ vẫn ở, canh tác, thu hái. Đồng thời khi làm thủ tục tặng cho, bố là ông N3 đã bị liệt, không nhận thức được do bị bệnh, mẹ bị lãng tai, do tin tưởng bà H2 nên cả hai đều điểm chỉ vào hợp đồng. Sau khi sang tên thì T có thế chấp vay tiền Ngân hàng và bà H2 cũng có vay ké. Năm 2017 bố chết, T về sinh sống với bà V. Sau một thời gian thì mẹ bà và bà H2 có yêu cầu T sang lại tên tài sản cho mẹ nhưng T hứa nhiều lần nhưng không thực hiện. Sau đó mẹ con có mâu thuẫn nên mẹ về ở với bà H tại thị trấn L, huyện B. Toàn bộ đất cây trồng là tài sản của bố mẹ tạo lập, nhà là do ông X bỏ tiền ra xây. T không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này, T cũng không làm vườn. Thực tế bố mẹ chỉ có tài sản này để ở, canh tác, thu hái có thu nhập để nuôi sống bản thân, không có nguồn thu nhập nào khác. Khi bố là ông N3 chết thì cũng an táng trong vườn này. Vì vậy việc mẹ bà V, ông X khởi kiện là đúng sự thật. Bố mẹ không tặng cho T tài sản, mục đích cho mượn để thế chấp

vay ngân hàng. Bà H2 yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì trong vụ án này.

+ Bà Lê Thị Ánh H trình bày: Bà H thừa nhận là con ruột của bà V, ông N3, là chị ruột của ông T. Về việc mẹ bà và ông X khởi kiện là đúng. Đất và cây trồng là của bố mẹ tạo lập, còn nhà cửa là ông X xây cho bố bố mẹ ở. Thực tế bố mẹ bà chỉ có duy nhất tài sản đang tranh chấp với ông T, con cái trong gia đình lập gia đình ra ở riêng chưa ai hưởng tài sản từ bố mẹ. Việc tặng cho sang tên cho ông T thì anh em không ai biết, chỉ có bà H2 biết vì tin tưởng T chỉ sang tên thế chấp vay ngân hàng, sau này sẽ sang lại cho bố mẹ. Đến năm 2021 bà V nói với bà là T mượn sổ đỏ không trả, bố mẹ đã sang tên vì T cần vay tiền. T cũng không nuôi bố mẹ ngày nào. Năm 2021 thì bà V về sinh sống với bà, tài sản trên T quản lý, sử dụng, thu hái, không chu cấp nuôi mẹ. Về vụ việc tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mẹ bà. Bà không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

+ Những người còn lại gồm Lê Thanh H3, ông Lê Thanh H4, bà Lê Thị Mỹ P1, bà L thống nhất như ý kiến của bà V, ông X, không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì trong vụ án này. Anh T2, chị H1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Thanh N1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về tranh chấp các bên yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V đối với ông Lê Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất".

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh T đối với bà Dương Thị V về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập đối của ông Lê Thanh X đối với bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Công nhận 01 phần hợp đồng tặng cho cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa ông Lê N3, bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T, người làm chứng bà Lê Thị Thanh H2, được VPCC Nguyễn Thọ Q công chứng ngày 13/9/2016, số công chứng 5563, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê N3 trong khối tài sản chung là ½ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 11.311,1m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn)

thuộc 01 phần thửa 74, tờ bản đồ 119, xã L, huyện B và cây trồng trên đất tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã tặng cho Lê Thanh T.

Tuyên bố vô hiệu 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa ông Lê N3, bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T, người làm chứng bà Lê Thị Thanh H2, được VPCC Nguyễn Thọ Q công chứng ngày 13/9/2016, số công chứng 5563, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Dương Thị V trong khối tài sản chung là ½ giá trị quyền sử đất diện tích 11.311,1 m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn) thuộc 01 phần thửa 74, tờ bản đồ 119, xã L, huyện B và cây trồng trên đất tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã tặng cho Lê Thanh T.

Công nhận toàn bộ công trình xây dựng trên đất thửa 74, tờ bản đồ 119 tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu của ông Lê Thanh X. Tuyên bố vô hiệu 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa ông Lê N3, bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T, bà Lê Thị Thanh H2 được văn phòng C công chứng ngày 13/9/2016, số công chứng 5563, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần tặng cho công trình xây dựng trên đất.

Buộc ông Lê Thanh T hoàn trả, giao lại toàn bộ diện tích đất 11.311,1m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn) thuộc 01 phần thửa 74, tờ bản đồ 119 tại xã L, huyện B và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (bao gồm phần mộ của ông Lê N3) tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho bà Dương Thị V được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu.

Bà Dương Thị V có trách nhiệm đăng ký kê khai để được cấp lại giấy chứng nhận QSD đất vài tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Dương Thị V phải thanh toán lại cho ông Lê Thanh T số tiền 2.559.844.375 đồng.

Buộc bà Dương Thị V phải trả lại cho ông Lê Thanh T giá trị sản lượng cà phê mùa vụ 2021 thành tiền là 37.500.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị V phải trả cho ông Lê Thanh X giá trị tài sản là công trình xây dựng trên đất số tiền 1.069.217.065 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Thanh X đối với bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T về việc yêu cầu thanh toán công sức đóng góp vào tài sản là quyền sử dụng đất, cây trồng thửa 74, tờ bản đồ 119 tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đối với số tiền 750.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 19/6/2024 ông Lê Thanh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X.

Ngày 20/6/2024 bà Dương Thị V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà P1 là đại diện của nguyên đơn bà V; bị đơn ông T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà V, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông T về việc yêu cầu bà V thanh toán lại sản lượng cà phê mùa vụ năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị V, bị đơn ông Lê Thanh T thì thấy rằng:

Đối với kháng cáo của bà V: Theo hồ sơ thể hiện thửa đất số 83, tờ bản đồ 14, diện tích 8.933m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở, 8.533m^2 đất nông nghiệp trồng cà phê), xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận QSD đất số G 549281 ngày 22/5/1996 đứng tên ông Lê N3 có nguồn gốc khai phá từ năm 1975. Tại Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của UBND huyện B về việc thu hồi, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông (bà) Lê N3 và Dương Thị V diện tích thửa 74 nêu trên thành chủ sử dụng đất là cụ Lê N3, cụ Dương Thị V, thửa đất cấp đổi thành thửa 74, tờ bản đồ 119, thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 11.719,1m^2 (trong đó có 400m^2 thuộc đất ở tại nông thôn, 11.319,1m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm);

thời hạn sử dụng: đối với đất ở nông thôn: Lâu dài, đối với đất trồng cây công nghiệp lâu năm đến tháng 10/2043; Công trình xây dựng khác chưa chứng nhận quyền sở hữu; Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 629886.

Việc tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng cụ Dương Thị V, cụ Lê N3 và ông Lê Thanh T: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa cụ Lê N3, cụ Dương Thị V, ông Lê Thanh T, bà Lê Thị Thanh H2 được Văn phòng C công chứng ngày 13/9/2016, số công chứng 5563, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD thể hiện: Bên tặng cho là cụ Lê N3, cụ Dương Thị V, bên nhận tặng cho là ông Lê Thanh T, người làm chứng việc tặng cho là bà Lê Thị Thanh H2. Tài sản tặng cho gồm có quyền sử dụng đất tại thửa 74, tờ bản đồ 119 được cấp theo sổ đỏ là 11.719,1m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn, 11.319,1m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng lâu dài (đất ở) + tháng 10/2043 (đất nông nghiệp); Nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận QSD đất; những hạn chế về quyền sử dụng đất: không; tài sản gắn liền với đất là nhà + vườn cây lâu năm, loại nhà: cấp 4B, diện tích 100m^2, xây năm 2015, loại cây: cà phê mật độ 90 cây/1000m^2, trong năm 2000, loại B. Cụ N3, cụ V đã điểm chỉ trên hợp đồng tặng cho. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên có năng lực hành vi đầy đủ, tự nguyện, có người làm chứng. Mối quan hệ giữa những người tham gia ký kết đều là ruột thịt (cha mẹ và con, chị em ruột). Ngày 14/9/2016 việc tặng cho tài sản trên được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng cập nhật biến động và sang tên tài sản cho ông Lê Thanh T (theo hồ sơ số 2626/Q1/TA/2016), về trình tự, thủ tục tặng cho là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Mục đích việc tặng cho tài sản là để ông T thế chấp vay vốn Ngân hàng. Trên thực tế thì ông T cũng đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng. Có việc ông T mua đất như lời bà H2 (chị gái ông T) trình bày. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn còn cung cấp thêm 01 bản di chúc về việc cụ N3, cụ V định đoạt đối với phần tài sản của mình sau khi chết, bản di chúc của cụ Lê N3, cụ Dương Thị V được UBND xã L, huyện B chứng thực ngày 20/02/2009. Nội dung thể hiện việc hai cụ lập di chúc để lại tài sản là diện tích đất có nhà ở và cây cà phê cho 03 người con. Cụ thể: Lê Thanh H4 được hưởng phần di sản sau khi vợ chồng hai cụ chết là diện tích 2.933m^2 đất nông nghiệp phía sau nhà; bà Lê Thị Mỹ P1 được hưởng phần di sản là diện tích 3.000m^2 đất bên hướng phải nhà; ông Lê Thanh T được hưởng phần di sản là diện tích 3.000m^2 trên đất có nhà. Trên bản di chúc này có chữ ký, chữ viết của cụ N3, cụ V. Hơn nữa, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có văn bản thể hiện cụ N3 là

người biết chữ nên cần xác định di chúc của hai cụ vẫn có hiệu lực, chưa có bản di chúc nào khác thay thế.

Theo hồ sơ khi lập hợp đồng tặng cho thì cả hai cụ chỉ điểm chỉ trên hợp đồng, bản thân cụ N3 lại đang bị bệnh nặng. Tài sản hai cụ tặng cho lại là tài sản duy nhất, trên đất có cây trồng là nguồn thu nhập chính và cũng có căn nhà các cụ đang ở thì do con trai lớn cùng các em trong nhà xây dựng để bố mẹ ở. Thời điểm lập hợp đồng tặng cho thì hai cụ vẫn đang sinh sống trên tài sản duy nhất này, lúc này bị đơn còn đang sinh sống và làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn có nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Minh T3, bà Phạm Thị D với giá 520.000.000 đồng vào ngày 22/9/2016 (đã đặt cọc 300.000.000 đồng). Sau khi nhận tặng cho bị đơn đã thế chấp ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng để vay số tiền 400.000.000 đồng. Trong số tiền vay thì bà H2 là chị gái của ông T3 thừa nhận có vay tiền theo hợp đồng tín dụng do ông T3 đứng tên vay. Bà H2 cũng chính là người làm chứng trong việc cha mẹ lập hợp đồng tặng cho đối với tài sản duy nhất cho ông T3. Tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho thì bà H2 đứng về phía ông T3. Tuy nhiên, khi phát sinh tranh chấp thì bà H2 khẳng định việc bà làm chứng để ông T3 được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền mua đất mà việc này là có xảy ra trên thực tế. Hơn nữa, sau khi tặng cho tài sản, cả cụ N3, cụ V vẫn tiếp tục sinh sống trên đất tranh chấp, vẫn quản lý, canh tác, thu hái cà phê. Ông T3 cũng thừa nhận thời điểm 2016 ông T3 vẫn đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, chưa về ở hẳn với bố mẹ, tài sản trên bố mẹ vẫn quản lý. Năm 2017 cụ N3 chết và được an táng tại một góc vườn thuộc thửa 74, tờ bản đồ 119; nếu đúng là tài sản mà ông T3 được cha mẹ cho thì không thể có việc cụ N3 được chôn cất trên đất của ông T3. Do đó, có căn cứ xác định tài sản trên là cụ N3, cụ V không bàn giao cho ông T3 mà chỉ thực hiện việc tặng cho với mục đích để ông T3 vay vốn ngân hàng như nguyên đơn và bà H2 đã trình bày là phù hợp. Đồng thời, năm 2017 ông T3 cũng về sinh sống với mẹ là cụ V, cùng cụ V quản lý, canh tác, thu hái cà phê trên đất tranh chấp.

Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ N3, cụ V và ông Lê Thanh T là giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mới đúng quy định. Vì vậy, kháng cáo của ông T đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông T buộc cụ V phải thanh toán lại giá trị thu hoạch mùa vụ cà phê năm 2021: Từ năm 2020 đến năm 2021 thì cụ V và ông T vẫn sinh sống tại nhà, đất thửa 74 tờ bản đồ 119, cùng nhau quản lý, canh tác, thu hái trên chính diện tích đất của cụ N3, cụ V. Xét thấy, cụ V đã lớn tuổi,

không thể đầu tư chăm sóc cây trồng nên việc ông T đã đầu tư để có thu hoạch và mùa vụ 2021 cụ V đã thu hoạch cây trồng có giá trị là 75.000.000 đồng nên chia hoa lợi cụ V được hưởng trên đất của mình 1/2, ông T được hưởng 1/2. Cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông T, buộc cụ V trả lại cho ông T giá trị thu mùa vụ 2021 với số tiền là 37.500.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh X: Trong quá trình giải quyết vụ án thì ngoài ông T và bà N2 không thừa nhận căn nhà trên đất là do ông X xây dựng thì nguyên đơn cụ V và những người con khác của cụ V đều thừa nhận toàn bộ công trình xây dựng gồm nhà ở, nhà thờ, nhà kho, mái hiên, tường rào là do ông X bỏ tiền ra xây dựng, mục đích làm nhà cho bố mẹ ở, không biết bố mẹ làm thủ tục tặng cho tài sản cho ông T. Tại phiên tòa hôm nay ông X trình bày khi làm nhà thì làm nhiều phòng để anh chị em tập trung về có chỗ ở. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà H, bà H2, bà P1, bà L, ông H3, ông H4 đều xác định tiền làm nhà là của ông X. Ông T thừa nhận nhà ở xây khoảng năm 2015 nhưng không rõ ai làm. Nay có tranh chấp xảy ra, cần buộc cụ V thanh toán lại giá trị công trình xây dựng trên đất cho ông X là phù hợp. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông X, buộc cụ V phải trả cho ông X số tiền 1.069.217.065 đồng là có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 31.947.400 đồng, bà V đã nộp toàn bộ tạm ứng chi phí tố tụng. Do yêu cầu phản tố của ông T được chấp nhận một phần nên bà V phải chịu ½ chi phí tố tụng là 15.973.700 đồng (đã nộp xong). Buộc ông T phải thanh toán lại cho bà V số tiền 15.973.700 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà V, không chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Bà V không phải án phí dân sự phúc thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị V, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh T, sửa bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V đối với ông Lê Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa ông Lê N3, bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T, người làm chứng bà Lê Thị Thanh H2 được Văn phòng C công chứng ngày 13/9/2016, số công chứng 5563, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD đối với diện tích đất 11.719,1m^2 (đo vẽ thực tế 11.311,1m^2 trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn, 10.911,1m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm) thuộc thửa 74, tờ bản đồ 119, xã L, huyện B và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (bao gồm phần mộ của ông Lê N3) tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc ông Lê Thanh T phải trả lại toàn bộ diện tích đất 11.311,1m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn, 10.911,1m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm) thuộc thửa 74, tờ bản đồ 119, xã L, huyện B và tài sản gắn liền với đất (bao gồm phần mộ của ông Lê N3) tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho bà Dương Thị V được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu.

Ủy ban nhân dân huyện B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết, xóa điều chỉnh đăng ký biến động đã đăng ký tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 629886 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lê N3, bà Dương Thị V đăng ký biến động trang 4 cho ông Lê Thanh T ngày 14/9/2016 đối với diện tích đất 11.311,1m^2 tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Dương Thị V có trách nhiệm đăng ký kê khai để được cấp lại giấy chứng nhận QSD đất vài tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Họa đồ trích đo của Công ty TNHH N4 ngày 11/7/2023).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh T đối với bà Dương Thị V về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Buộc bà Dương Thị V phải trả lại cho ông Lê Thanh T giá trị sản lượng cà phê mùa vụ 2021 thành tiền là 37.500.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh X đối với bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Xác định toàn bộ công trình xây dựng trên đất thửa 74, tờ bản đồ 119 tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng trị giá 1.069.217.065 đồng do ông Lê Thanh X đầu tư xây dựng. Giao cho bà Dương Thị V được sở hữu toàn bộ công trình nêu

trên. Buộc bà Dương Thị V phải trả cho ông Lê Thanh X giá trị tài sản là công trình xây dựng trên đất số tiền 1.069.217.065 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh X đối với bà Dương Thị V, ông Lê Thanh T về việc yêu cầu thanh toán công sức đóng góp vào tài sản là quyền sử dụng đất, cây trồng thửa 74, tờ bản đồ 119 tại thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền 750.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Thanh T hoàn trả cho bà Dương Thị V số tiền 15.973.700 đồng.

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Dương Thị V.

Buộc ông Lê Thanh T phải chịu 2.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004451 ngày 27/4/2022 và Biên lai thu số 0007096 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê Thanh X số tiền 33.288.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0006781 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành Án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng TTr,KT&THA (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (01);
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm (01);
- Các đương sự (14);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (02).

Vũ Thị Nguyệt